

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

VIỆT NAM

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG NGOẠI TỆ VÀ THỊ TRƯỜNG LIÊN NGÂN HÀNG (Tuần từ 30.3-03.4.2026)

1. Thị trường ngoại tệ và tỷ giá

Ngày 30/03, tỷ giá mua, bán USD/VND niêm yết cuối ngày trên website của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ở mức 26.135/26.355 VND/USD, không đổi so với tỷ giá cuối ngày làm việc cuối tuần trước (ngày 27/03). Cuối ngày 03/04, tỷ giá niêm yết ở mức 26.142/26.362 VND/USD, tăng tương ứng 07 VND/USD so với tỷ giá ngày 30/03.

2. Thị trường liên ngân hàng

2.1. Về doanh số giao dịch

Theo báo cáo của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài qua hệ thống báo cáo thống kê, doanh số giao dịch trên thị trường liên ngân hàng trong tuần bằng VND đạt xấp xỉ 4.603.675 tỷ đồng, bình quân 920.735 tỷ đồng/ngày, tăng 75.254 tỷ đồng/ngày so với tuần trước; doanh số giao dịch bằng USD quy đổi ra VND trong tuần đạt khoảng 695.032 tỷ đồng, bình quân 139.006 tỷ đồng/ngày, giảm 5.342 tỷ đồng/ngày so với tuần trước đó.

Theo kỳ hạn, các giao dịch VND chủ yếu tập trung vào kỳ hạn qua đêm (95% tổng doanh số giao dịch VND), kỳ hạn 01 tuần (3% tổng doanh số giao dịch VND). Đối với giao dịch USD, các kỳ hạn có doanh số lớn nhất là kỳ hạn qua đêm và 01 tuần với tỷ trọng lần lượt là 87% và 8%.

2.2. Về lãi suất bình quân

- Đối với các giao dịch bằng VND: Lãi suất bình quân có xu hướng tăng ở hầu hết các kỳ hạn chủ chốt so với tuần trước. Cụ thể, lãi suất bình quân các kỳ hạn qua đêm, 01 tuần và 01 tháng tăng lần lượt 3,13%/năm, 2,38%/năm và 0,27%/năm lên các mức 9,05%/năm, 9,36%/năm và 7,75%/năm.

- Đối với các giao dịch bằng USD: Lãi suất bình quân cũng có xu hướng biến động nhẹ và trái chiều so với tuần trước. Cụ thể, lãi suất bình quân kỳ hạn qua đêm tăng nhẹ 0,02%/năm lên mức 3,63%/năm, trong khi đó lãi suất bình quân kỳ hạn 01 tuần và 01 tháng giảm nhẹ lần lượt 0,01%/năm và 0,04%/năm xuống các mức 3,65%/năm và 3,72%/năm.

Dưới đây là lãi suất bình quân liên ngân hàng của các kỳ hạn chủ chốt trong tuần từ 30/3 – 03/4/2026:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
VND	9,05	9,36	7,18	7,75	8,00	7,76	8,30
USD	3,63	3,65	3,66	3,72	3,74	3,98	-